

MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI NĂM 2020

TRẦN ĐỖ BẢO NGHI¹, BÙI HUY TÙNG²,
HÀ THỊ NGUYỆT MINH², LÊ THỊ THU HƯỜNG²,
NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC², NGUYỄN THANH HUYỀN²

¹Trường Đại học Y tế Công cộng

²Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu khảo sát trên 434 sinh viên điều dưỡng thuộc Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội trong 2 tháng (tháng 10-11/2020). Tổng hợp điểm về thực hành phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên cho thấy tỷ lệ sinh viên thực hành đúng theo khuyến cáo chưa tốt còn khá cao (56,3%), chỉ 43,7% sinh viên có thực hành tốt. Bên cạnh đó, còn một số yếu tố liên quan khác tác động thực hành của sinh viên, bao gồm: kiến thức, thái độ, các yếu tố nhân khẩu học, khu vực sống, cài đặt bluezones. Về năm học, sinh viên năm ba thực hành tốt cao hơn 1,91 lần so với các sinh viên năm nhất (OR = 1,91; KTC 95% = 0,47-0,75). Khu vực sống có mối liên quan đến thực hành tốt của đối tượng tham gia nghiên cứu, sinh viên ở "Tỉnh (thành phố) không có người dương tính với COVID-19" có thái độ tốt thấp hơn 0,6 lần "Tỉnh (thành phố) có người dương tính với COVID-19" (OR = 0,60; KTC 95% = 0,36-0,99). Ngoài ra, việc sử dụng bluezones và kiến thức về phòng chống dịch bệnh là một trong những yếu tố liên quan đến thực hành của sinh viên. Thực trạng trên của sinh viên cho thấy việc cải thiện, củng cố thực hiện quyết liệt các biện pháp rắn đe sinh viên phòng chống dịch bệnh trong nhà trường là điều cần thiết.

Từ khóa: COVID-19, thực hành, yếu tố liên quan, phòng chống dịch.

SUMMARY

SURVEY PRACTICE AND RELATED FACTORS ABOUT PREVENTING COVID-19 PANDEMIC OF HANOI MEDICAL COLLEGE'S STUDENTS

The study surveyed 434 students at Hanoi Medical College 2 months ago (October-November, 2020). Synthesizing students' scores

Chịu trách nhiệm: Trần Đỗ Bảo Nghi
Email: trandobaonghi.huph@gmail.com
Ngày nhận: 17/11/2020
Ngày phản biện: 22/12/2020
Ngày duyệt bài: 05/01/2021

On COVID-19 epidemic prevention practices showed that the percentage of students who practice according to bad recommendations is still quite high (56.3%), only 43.7% of students with good practices. Besides, there are several other relevant factors affecting students' practice, including: knowledge, attitudes, demographic factors, living areas, Bluezones. Regarding the school year, third-year students had better practice 1.91 times as high as freshmen (OR = 1.91; 95% CI = 0.47-0.75). The living area is related to good practices of study participants, students lived in "Province (city) has no laboratory confirmed cases" had a good attitude 0.60 times as low as "Province (city) has laboratory confirmed positive COVID-19 cases" (OR = 0.60; 95% CI = 0.36-0.99). Besides, using Bluezones and knowledge about disease prevention are the factors related to students' practice. The above situation of students shows that it is essential to improve and consolidate drastic measures to deter students from disease prevention.

Keywords: COVID-19, practice, relationship, epidemic prevention.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả quốc gia trên thế giới, hiện nay đang tiếp tục diễn biến rất phức tạp, tác động tiêu cực của dịch bệnh đến các mặt của đời sống kinh tế - xã hội còn tiếp tục kéo dài. COVID-19 đã cướp đi tính mạng hơn 1,5 triệu người trên thế giới và sẽ không ngừng lại trong tương lai. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam tính tới thời điểm ngày 14 tháng 12 năm 2020 đã ghi nhận 1.397 trường hợp mắc, trong đó 1.241 người đã được xuất viện và 35 ca tử vong. Chính phủ nỗ lực cố gắng phòng chống dịch bệnh cùng nhân dân và các bên liên quan. Phòng chống đại dịch COVID-19 bằng các biện pháp thường xuyên như đeo khẩu trang, rửa tay đúng cách mang lại hiệu quả phòng dịch cao. Sinh viên là nhóm đối tượng đa dạng về rất

hiều đặc tính như nơi sống, điều kiện sống và thái độ làm ảnh hưởng rất nhiều đến các biện pháp phòng chống dịch của từng cá nhân. Đặc biệt, sinh viên ngành y học là lực lượng hỗ trợ đắc lực trong công tác phòng chống dịch COVID-19 của Bộ Y tế, đây cũng là nguồn nhân lực quan trọng bổ sung trong tương lai gần cho nền y tế nước nhà. Tìm hiểu về mối liên quan giữa thực hành và các yếu tố sẽ giúp các cơ quan ban ngành có những biện pháp và cách tiếp cận phù hợp hơn trong kiểm soát dịch ở nhóm đối tượng này.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm nhất và năm cuối Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội.

3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Hà Nội trong thời gian từ tháng 10 năm 2020 đến hết tháng 11 năm 2021.

4. Phương pháp chọn mẫu

Công thức tính toán cỡ mẫu cho nghiên cứu xác định một tỷ lệ trong quần thể được áp dụng

$$n = \frac{z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \times p(1-p)}{d^2} \times DE$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu nghiên cứu

p: Tỷ lệ sinh viên có kiến thức tốt Lấy p = 0,138 tương tự nghiên cứu ở Trường Đại học Y Hà Nội về kiến thức, thái độ của sinh viên về phòng chống dịch COVID-19.

d: Sai số mong muốn. Ở đây chúng tôi chọn d = 0,05

$Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$ với hệ số tin cậy 95% và $\alpha = 0,05$

DE: Hệ số hiệu ứng thiết kế (chọn DE = 2)

Cỡ mẫu ước tính cần cho nghiên cứu là n = 365, cộng thêm 10% dự phòng sinh viên từ chối tham gia nghiên cứu.

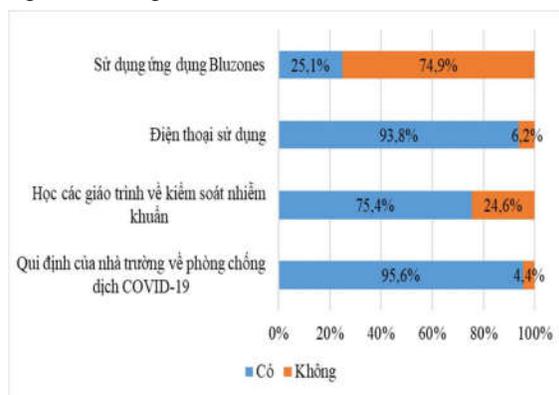
Với cỡ mẫu là 400 sinh viên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành chọn mẫu cụm với nhóm sinh viên cử nhân cao đẳng điều dưỡng. Chọn ngẫu nhiên 8 lớp trong danh sách 40 lớp cao đẳng điều dưỡng mỗi khối tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội (Số số trung bình mỗi lớp là 25 sinh viên/lớp). Tổng số sinh viên sẽ được chọn là: $8 \times 25 = 200$ sinh viên mỗi khóa. Tổng số chọn được 16 lớp với 434 sinh viên tham gia vào nghiên cứu.

5. Phương pháp thu thập và phân tích số liệu

Bộ câu hỏi được thiết kế bởi nhóm nghiên cứu và tiến hành phát vấn tự điền tại lớp học của sinh viên. Số liệu từ bộ câu hỏi tự điền được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và sử dụng phần mềm STATA 15.0 để phân tích số liệu theo các mục tiêu nghiên cứu.

KẾT QUẢ

Sau khi thu thập số liệu trên 434 sinh viên tự nguyện tham gia vào nghiên cứu, trong đó có 82,5% là sinh viên nữ và một ½ sinh viên năm thứ nhất khoa Điều dưỡng. Hầu hết các sinh viên sống cùng gia đình (63,4%) và có 45,9% sinh viên sống tại tỉnh/thành phố không có người dương tính với COVID-19.



Biểu đồ 1. Một số đặc điểm cá nhân của sinh viên tham gia nghiên cứu

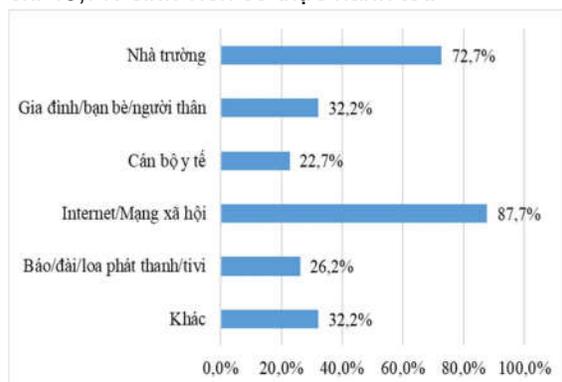
Sinh viên hầu như biết đến các quy định về phòng chống dịch COVID-19 trong trường (95,6%), trong đó có 75,4% đã học/đọc qua các giáo trình về kiểm soát nhiễm khuẩn. Chỉ có 25,1% sinh viên hiện vẫn còn sử dụng ứng dụng Bluzones trong tổng số 93,8% sinh viên có smartphone.

Bảng 1. Kiến thức, thái độ và thực hành chung của sinh viên về phòng chống dịch COVID-19

Nội dung	Tốt		Chưa tốt	
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Kiến thức	325	74,9	109	25,1
Thái độ	405	93,2	29	6,8
Thực hành	244	56,3	190	43,7

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong tổng số 434 đối tượng tham gia nghiên cứu, có 74,9% sinh viên có kiến thức tốt, vẫn còn 25,1% đạt loại chưa tốt. Về thái độ chung của sinh viên trong phòng chống dịch COVID-19, đa số sinh viên đều có thái độ tích cực đối với việc phòng chống dịch COVID-19, tỷ lệ sinh viên có thái độ

tốt là 93,2%, chưa tốt (6,8%). Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên thực hành đúng theo khuyến cáo chưa tốt còn khá cao (56,3%), chỉ 43,7% sinh viên có thực hành tốt.



Biểu đồ 2. Phương tiện truyền thông sinh viên tiếp cận các thông tin về phòng chống dịch bệnh

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên chủ yếu tiếp nhận thông tin về dịch COVID-19 chủ yếu từ internet/mạng xã hội (87,7%). Phương tiện truyền thông có sinh viên theo dõi thông tin thấp nhất là từ cán bộ y tế (22,7%), có thể trong thời điểm dịch diễn ra việc giãn cách toàn xã hội khiến thông tin trực tiếp từ cán bộ y tế địa

phương không được phổ biến rộng rãi. Có 72,7% sinh viên tiếp nhận thông tin từ nhà trường và 32,2% sinh viên cập nhật thông tin từ người thân cũng như các phương tiện truyền thông khác.

Bảng 2. Mối liên quan giữa kiến thức, thái độ và thực hành của sinh viên

Đặc điểm		Thực hành tốt n(%)	OR	Khoảng tin cậy 95%
Kiến thức	Chưa tốt	19 (14,4)	1	-
	Tốt	171 (39,4)	3,42	0,31-0,98
Thái độ	Chưa tốt	88 (30,3)	1	-
	Tốt	102 (23,5)	0,98	0,60-1,61

Có 171 sinh viên có kiến thức tốt (39,4%) thực hiện tốt các biện pháp phòng chống bệnh dịch theo khuyến cáo của Bộ Y tế và WHO. Những sinh viên có kiến thức tốt thực hiện tốt các biện pháp cao hơn 3,42 lần so với các sinh viên kiến thức chưa tốt (OR = 3,42; KTC 95% = 0,31 - 0,98).

Ngoài ra, thái độ tốt với các biện pháp dự phòng và phòng chống dịch bệnh không có mối liên quan đến việc thực hiện các biện pháp chống dịch.

Bảng 3. Mối liên quan giữa các yếu tố nhân khẩu học và thực hành về phòng chống dịch bệnh của sinh viên

Yếu tố	Phân nhóm yếu tố	Thực hành tốt	Mô hình logistics đa biến	
		n (%)	OR hiệu chỉnh	KTC 95%
Giới tính	Nam	33 (43,4)	1	-
	Nữ	157 (43,9)	0,77	0,52-1,11
Năm học	Năm nhất	67 (30,9)	1	-
	Năm ba	123 (56,7)	1,91	0,47-0,75
Khu vực sống	Tỉnh (thành phố) có người dương tính với COVID-19	110 (64,7)	1	-
	Tỉnh (thành phố) không có người dương tính với COVID-19	55 (27,4)	0,60	0,36-0,99
	Cả hai khu vực trên	25 (38,5)	1,27	0,82-1,96
Cài đặt Bluezones	Đang sử dụng	97 (89,0)	1	-
	Đã cài đặt nhưng không dùng hoặc xóa	21 (8,8)	0,74	0,48-1,13
	Chưa từng cài đặt	72 (82,8)	0,51	0,32-0,78
Kiến thức	Chưa tốt	19 (14,4)	1	-
	Tốt	171 (39,4)	3,43	0,27-0,98
Thái độ	Chưa tốt	88 (30,3)	1	-
	Tốt	102 (23,5)	0,96	0,70-2,03

Qua kết quả thể hiện ở bảng 3, các yếu tố liên quan đến thực hành tốt các khuyến cáo của Bộ Y tế về phòng chống đại dịch COVID-19 bao gồm: năm học, khu vực sống, cài đặt Bluezones và kiến thức của sinh viên.

Sinh viên năm thứ 3 có thực hành tốt hơn gấp 1,91 sinh viên năm thứ nhất khi thực hiện các biện pháp phòng chống đại dịch COVID-19

(OR = 1,91; KTC 95% = 0,47-0,75). Điều này cho thấy những chương trình giáo dục của nhà trường cũng giúp ích rất nhiều cho các sinh viên năm thứ ba trong việc thực hành các biện pháp phòng chống.

Sinh viên sống tại các tỉnh (thành phố) không có người dương tính với COVID-19 có thực hành tốt thấp hơn 0,60 lần so với nhóm sinh viên còn

lại (OR = 0,60; KTC 95% = 0,36-0,99). Bệnh nhân được khẳng định với COVID-19 cũng là một hồi chuông cảnh báo quan trọng đối với người dân sống tại địa phương. Những thông báo này cũng khiến sinh viên có những biện pháp phòng chống cẩn trọng hơn. Ngoài ra, các phương thức truyền thông tại địa phương và biện pháp phòng chống của Bộ Y tế cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sinh viên sống tại các thành phố có các ca dương tính.

Việc trang bị kiến thức cho sinh viên là một trong những biện pháp quan trọng và tối ưu nhất để sinh viên có những thực hành phòng chống tốt. Những sinh viên có kiến thức phòng chống đạt khuyến nghị có thực hành tốt cao hơn 3,43 lần so với nhóm sinh viên không được trang bị kiến thức tốt (OR = 3,44, KTC 95% = 0,27-0,98). Các sinh viên có ý thức sử dụng ứng dụng Bluezones cũng là một trong những minh chứng rõ ràng cho việc sinh viên được cung cấp kiến thức đầy đủ (OR = 0,51; KTC 95% = 0,32-0,78).

KẾT LUẬN

Đa số sinh viên tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội có thái độ tốt trong việc phòng chống dịch COVID-19 (93,2%), tuy nhiên chỉ có 74,9% sinh viên tham gia nghiên cứu có kiến thức tốt. Đặc biệt, việc thực hành phòng chống dịch COVID-19 của sinh viên còn chưa tốt khá nhiều (56,3%). Sinh viên có kiến thức tốt sẽ thực hành tốt theo các khuyến cáo cao gấp 3,42 lần (OR = 3,42; KTC 95% = 0,31-0,98). Ngoài ra, năm học tại trường, khu vực sống cũng như việc cài đặt ứng dụng Bluezones là một trong những yếu tố liên quan đến thực hành phòng chống dịch của sinh viên.

Kết quả trên cho thấy chương trình đào tạo của nhà trường có ảnh hưởng tích cực đến thực hành của sinh viên. Thực hành phòng chống

dịch của sinh viên trong nhà trường còn chưa cao, đặc biệt là nhóm sinh viên năm thứ nhất. Vì vậy, ban giám hiệu nên tăng cường truyền thông cho sinh viên với nhiều phương thức hiệu quả hơn, chú trọng đến các biện pháp truyền thông đặc thù dành cho sinh viên năm nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Minh Đạt và các cộng sự.** (2020), "Kiến thức, thái độ của sinh viên Đại học Y Hà Nội đối với COVID-19, năm 2020: Một khảo sát nhanh trực tuyến", *Tạp chí Y học Dự phòng*. 30(3), tr. 18.

2. **Deblina Roy và các cộng sự.** (2020), "Study of knowledge, attitude, anxiety & perceived mental healthcare need in Indian population during COVID-19 pandemic", *Asian Journal of Psychiatry*. 51.

3. **Huynh Giao và các cộng sự.** (2020), "Knowledge and attitude toward COVID-19 among healthcare workers at District 2 hospital, Ho Chi Minh City". 13(6), tr. 260.

4. **Ghai Suhani** (2020), "Are dental schools adequately preparing dental students to face outbreaks of infectious diseases such as COVID - 19?", *Journal of dental education*. 84(6), tr. 631-633.

5. **Khasawneh Ashraf I. và các cộng sự.** (2020), "Medical Students and COVID-19: Knowledge, Attitudes, and Precautionary Measures. A Descriptive Study From Jordan", *Frontiers in public health*. 8, tr. 253-253.

6. **Mohammad Hossein và các cộng sự.** (2020), "COVID-19 and Iranian Medical Students; A Survey on Their Related-Knowledge, Preventive Behaviors and Risk Perception". 23(4), tr. 249-254.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ UNG THƯ TRỰC TRÀNG THẤP, TRUNG BÌNH GIAI ĐOẠN TIẾN TRIỂN TẠI CHỖ BẰNG ĐIỀU TRỊ XẠ TRỊ GIA TỐC KẾT HỢP VỚI CAPECITABIN TẠI BỆNH VIỆN K TỪ 2013 - 2019

VÕ QUỐC HƯNG
Bệnh viện K

Chịu trách nhiệm: Võ Quốc Hưng
Email: hungthanh2000@gmail.com
Ngày nhận: 02/12/2020
Ngày phản biện: 06/01/2021
Ngày duyệt bài: 19/01/2021

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kết quả điều trị ung thư trực tràng thấp, trung bình giai đoạn tiến triển tại chỗ bằng điều trị xạ trị gia tốc kết hợp với capecitabine và nhận xét một số tác dụng không mong muốn tại Bệnh viện K từ 2013 - 2019.